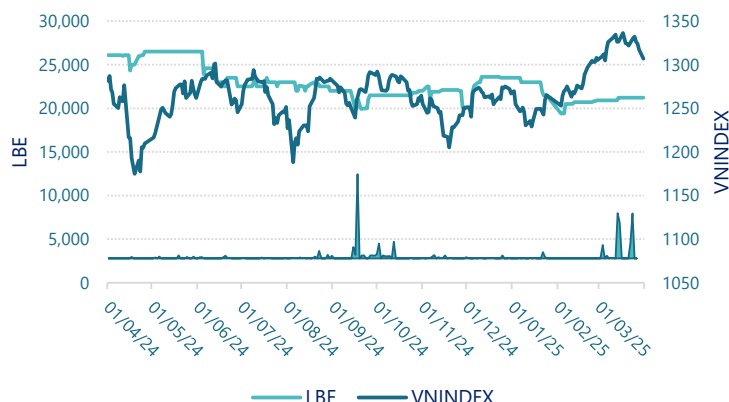


CTCP Thương mại và Dịch vụ LVA (HNX: LBE)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	21,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,400
SL cổ phiếu LH	1,999,934
KLGD BQ 20 phiên (CP)	235
% sở hữu nước ngoài	1.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	42
P/E	4.3
EPS	4,902

DT thuần

Q1/25

34.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.3 | 102%

YoY: ▲ 31.8 | 1261%

LN sau thuế

Q1/25

5.62

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.32 | 144%

YoY: ▲ 6.42 | 802%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

3.9%

+/- YoY: ▲ 1.5%

DT thuần

2024

106

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15.3 | 17.1%

LN sau thuế

2024

2.90

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.33 | 85.0%

ROE

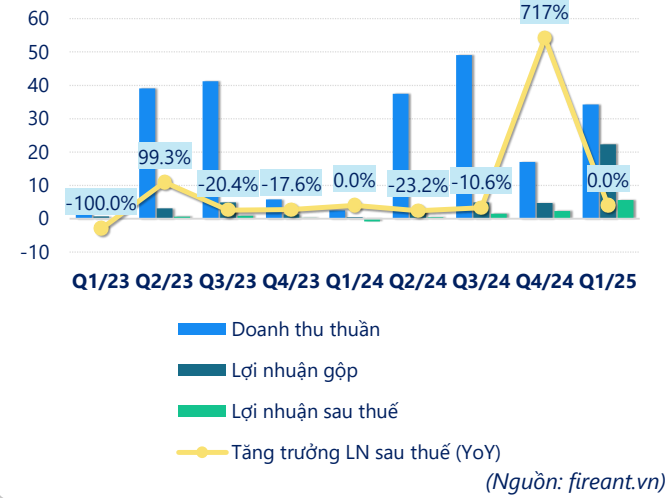
2024

11.5%

+/- YoY: ▲ 4.7%

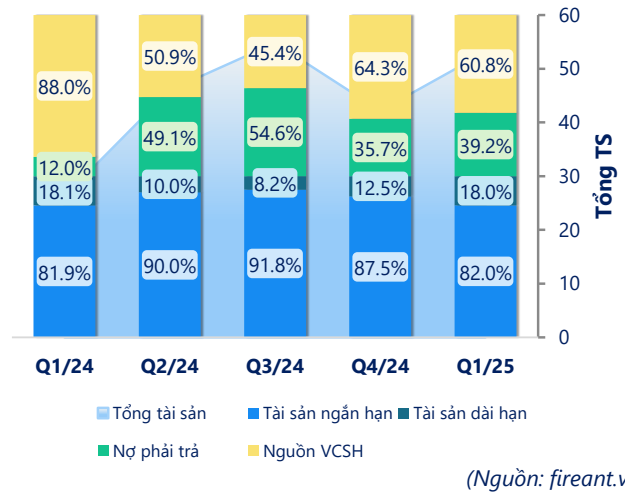
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

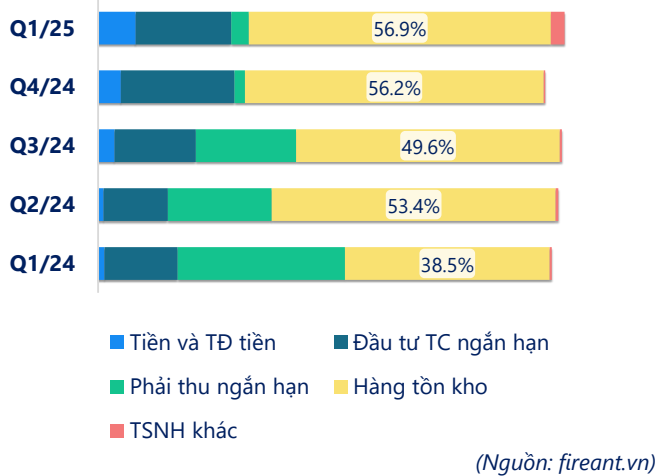


Cơ cấu Tổng tài sản

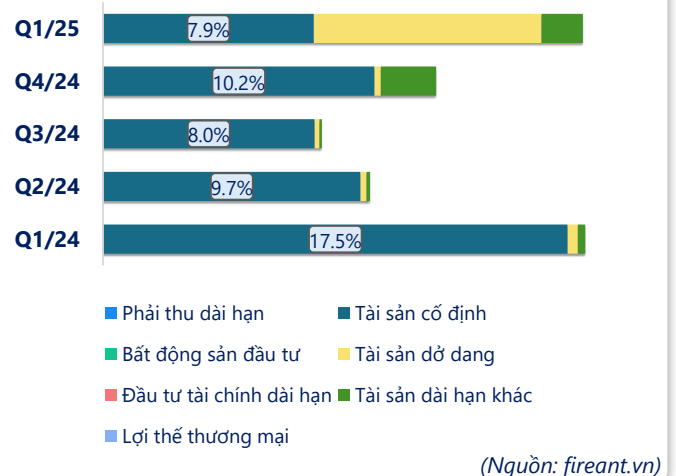
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

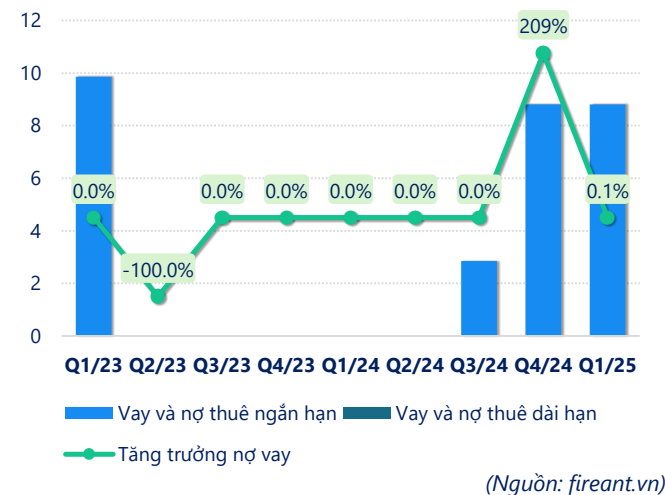


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



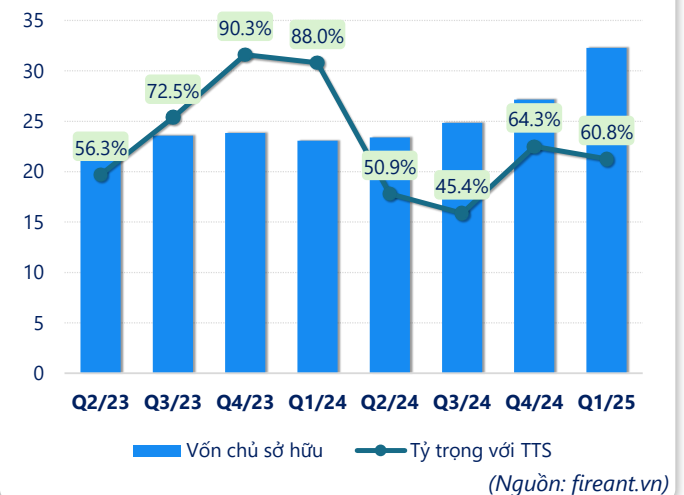
tỷ VNĐ

Nợ vay

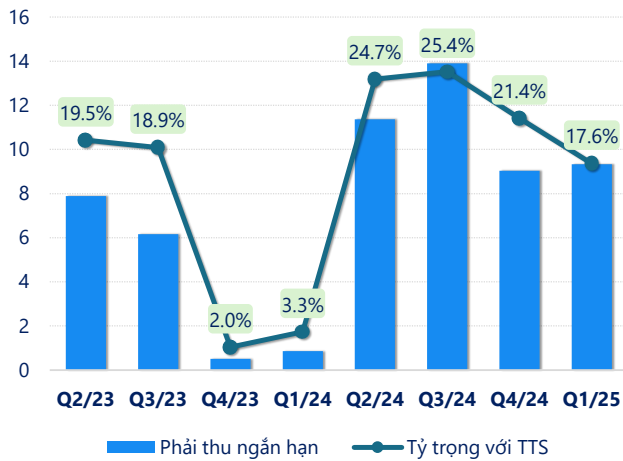


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

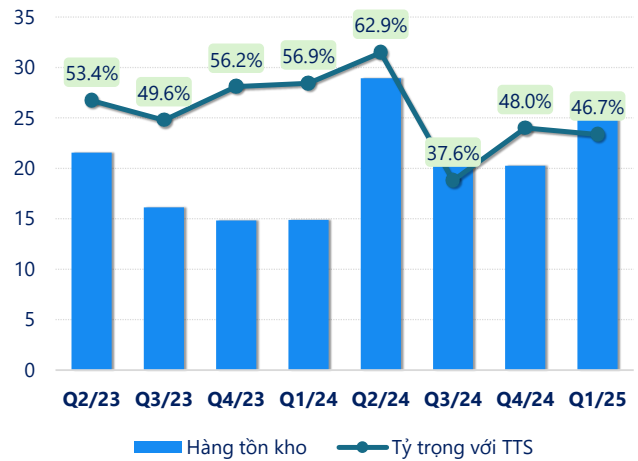


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


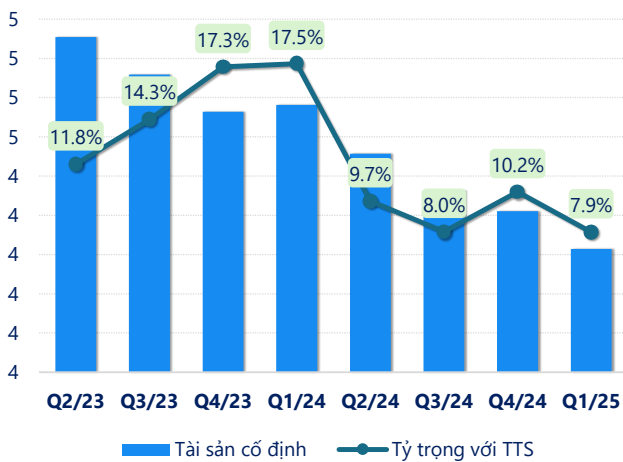
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


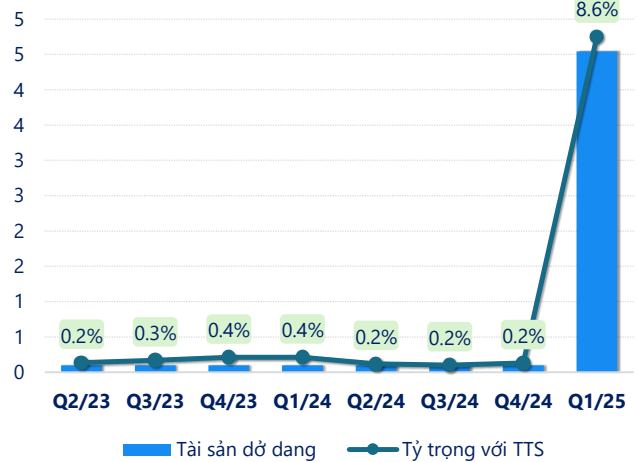
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

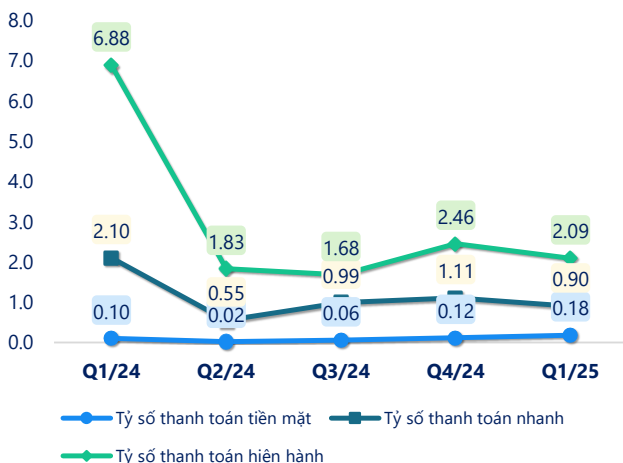
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

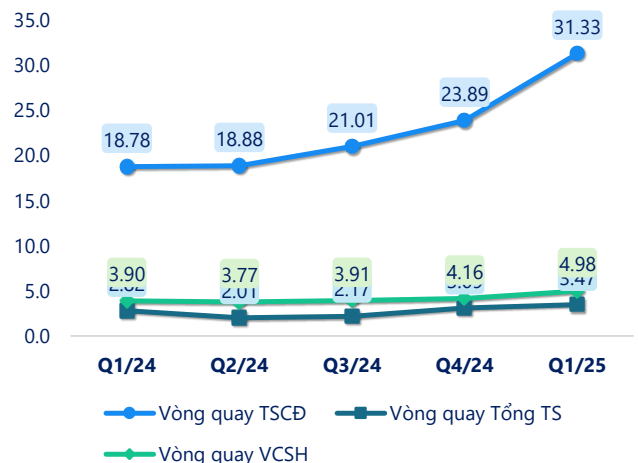
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	26.2	46.0	54.8	42.2	53.1
Tài sản ngắn hạn	21.5	41.4	50.3	36.9	43.5
Tiền và tương đương tiền	0.31	0.47	1.69	1.79	3.77
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.71	0	13.5	5.23	5.09
Phải thu ngắn hạn	0.86	11.4	13.9	9.03	9.32
Hàng tồn kho	14.9	28.9	20.6	20.3	24.8
Tài sản ngắn hạn khác	0.68	0.58	0.59	0.59	0.52
Tài sản dài hạn	4.76	4.62	4.51	5.29	9.58
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	4.58	4.46	4.36	4.31	4.21
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.10	0.10	0.10	0.10	4.55
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.07	0.06	0.05	0.88	0.83
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	3.15	22.6	29.9	15.1	20.8
Nợ ngắn hạn	3.12	22.6	29.9	15.0	20.8
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	2.85	8.80	8.81
Phải trả người bán ngắn hạn	2.67	22.3	9.61	3.65	4.76
Nợ dài hạn	0.03	0.03	0.03	0.03	0.03
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	23.1	23.4	24.9	27.1	32.3
Vốn chủ sở hữu	23.1	23.4	24.9	27.1	32.3
Vốn điều lệ	20.0	20.0	20.0	20.0	20.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)